



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Lắp máy - Thí nghiệm Cơ Điện

Ngày 30/06/2025	19,600 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	0%	-9.7%

DT thuần Q2/25
6.60
tỷ VNĐ
QoQ: ▼18.2 -73.4%
YoY: ▼3.90 -37.2%

LN thuần Q2/25
-0.03
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.07 -176%
YoY: ▼0.02 -203%

LN sau thuế Q2/25
0.00
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.02 -76.5%
YoY: ▼0.01 -53.1%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
15.4%
YoY: +/-▲ 11.5%

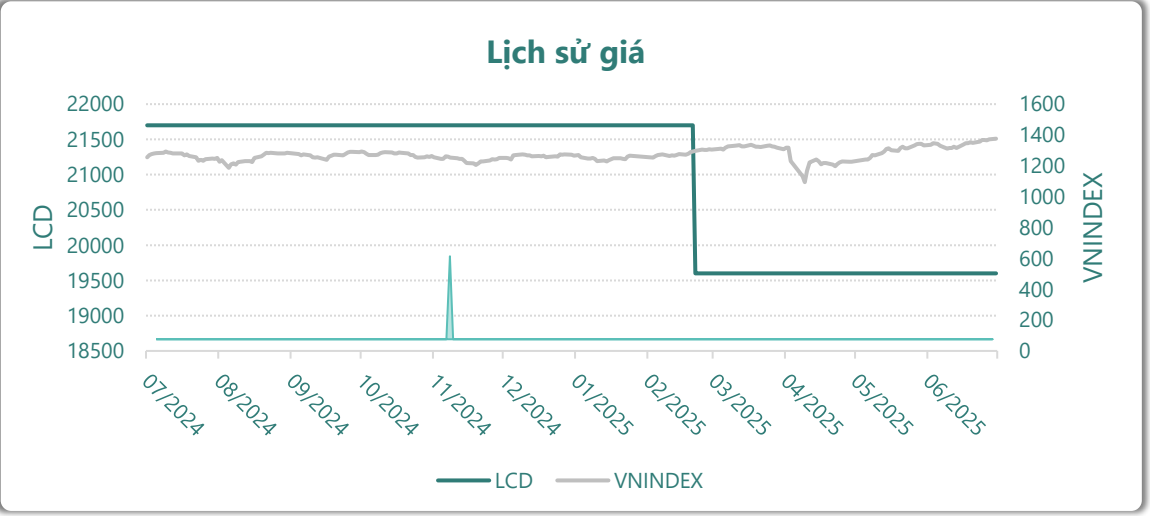
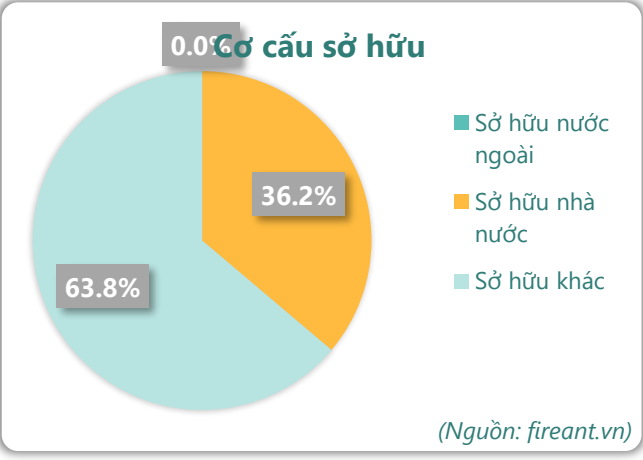
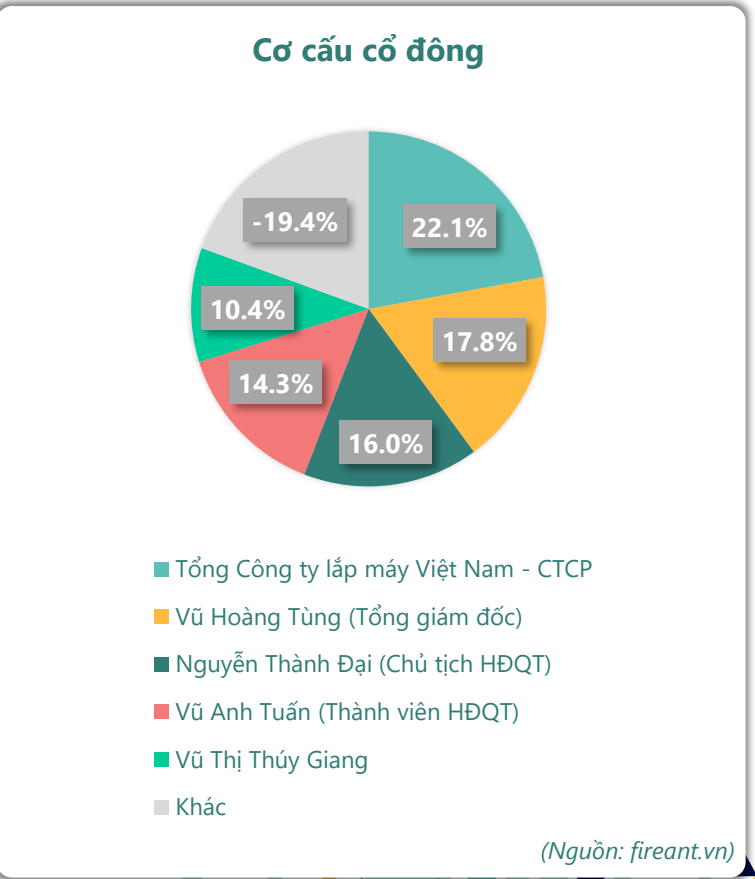
ROE (TTM) Q2/25
0.3%
YoY: +/-▼ 0.0%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	19,600 - 21,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	29
Số lượng CPLH (CP)	1,499,945
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.01
EPS	63
P/E	309.5

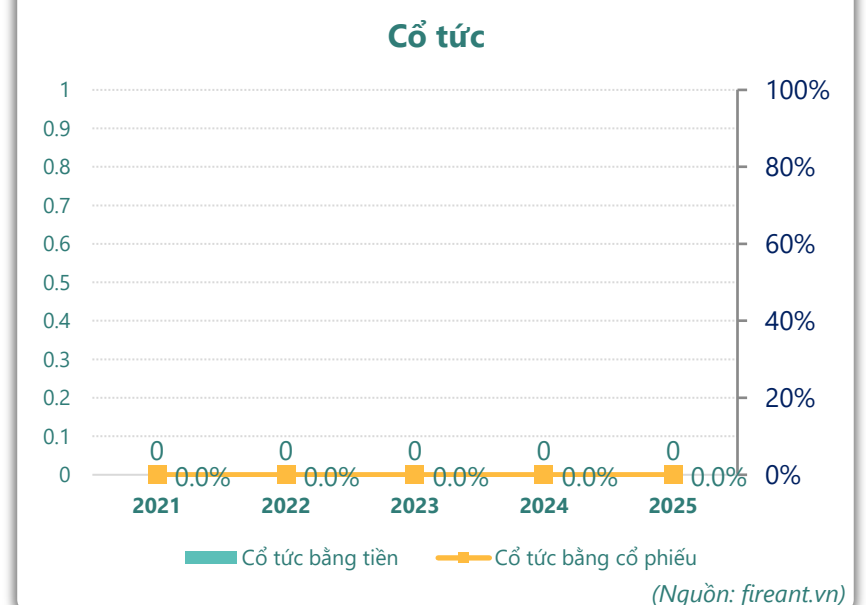
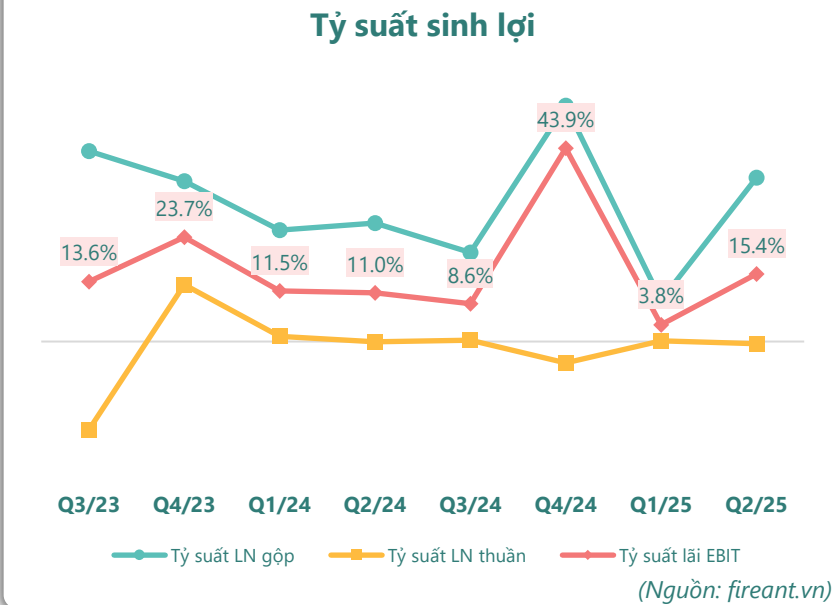
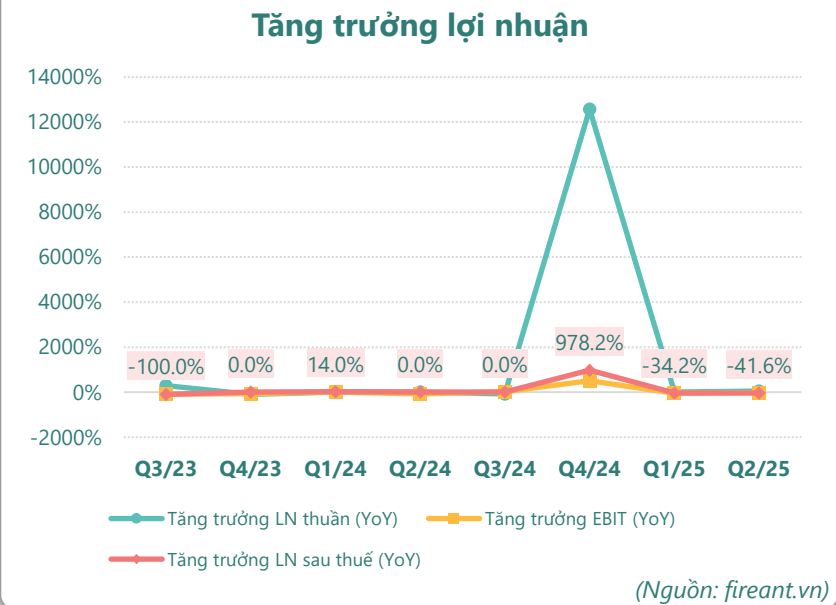
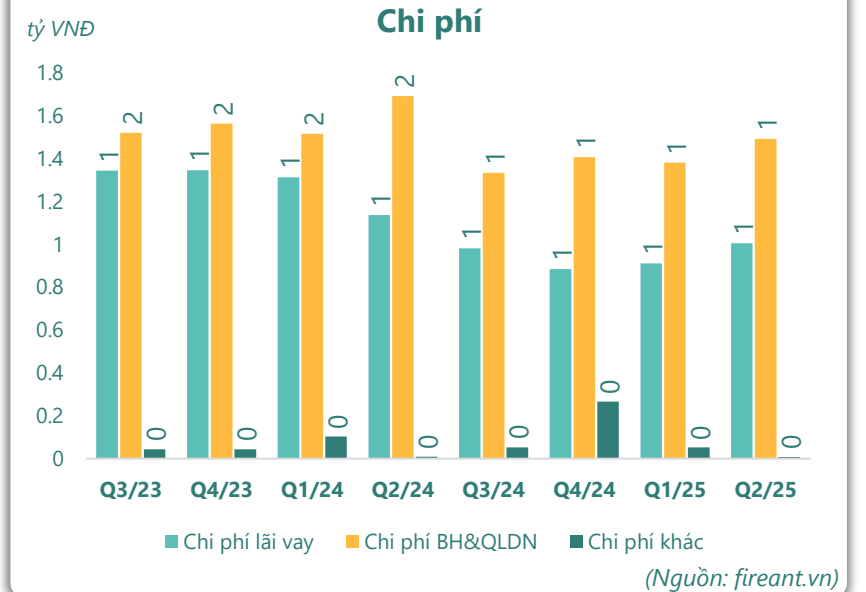
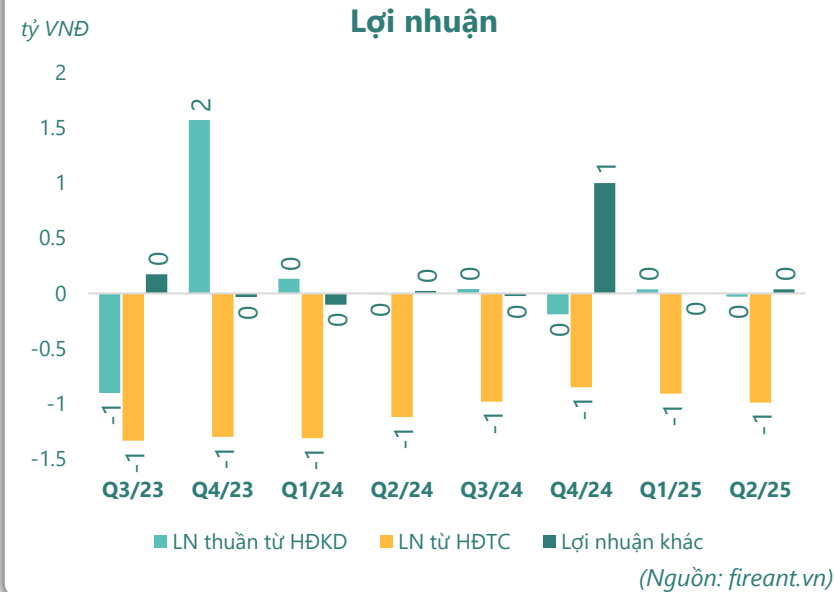
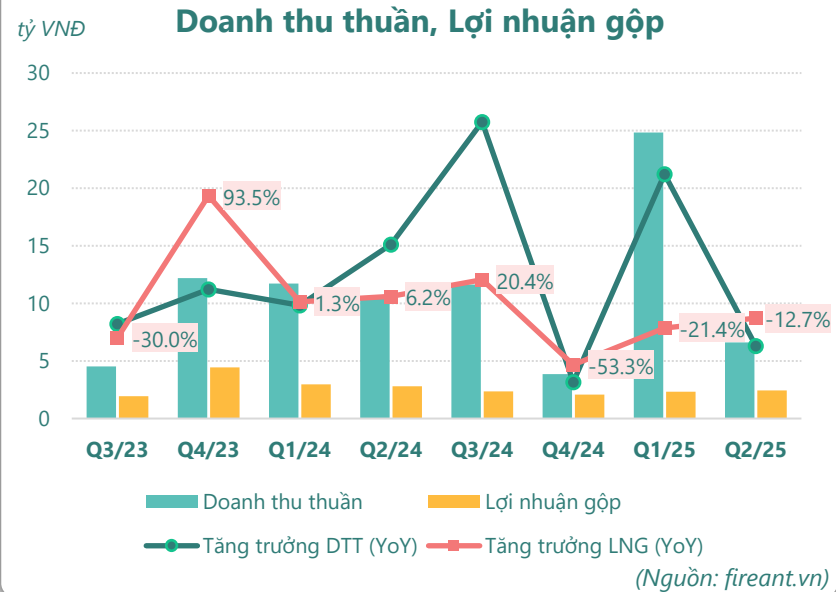
DT thuần 6T 2025
31.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 9.20 41.9%

LN thuần 6T 2025
0.01
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.12 -94.1%

LN sau thuế 6T 2025
0.02
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.01 59.4%



KẾT QUẢ KINH DOANH



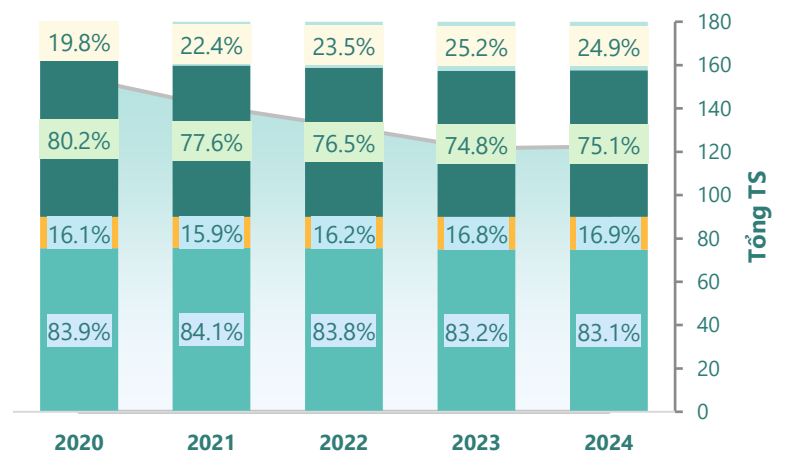


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ

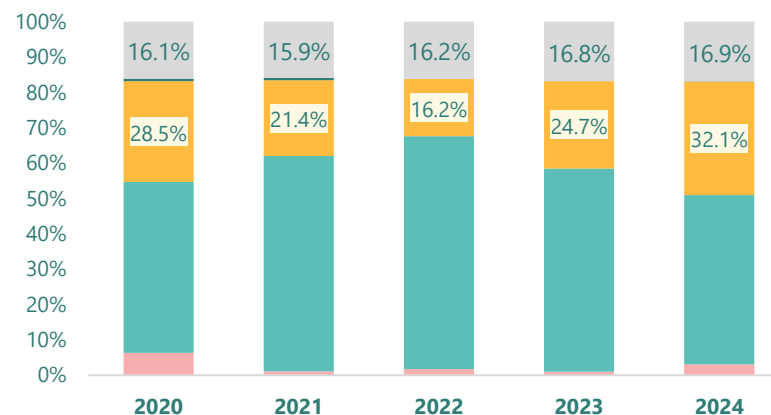
Tổng TS



Tổng tài sản TS ngắn hạn TS dài hạn Nợ phải trả Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

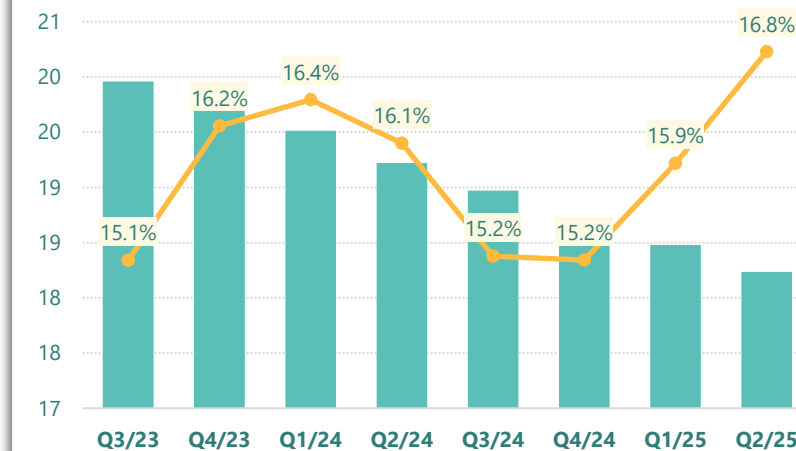


Tiền và TĐ tiền Đầu tư TC ngắn hạn Phải thu ngắn hạn Hàng tồn kho TSNH khác TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

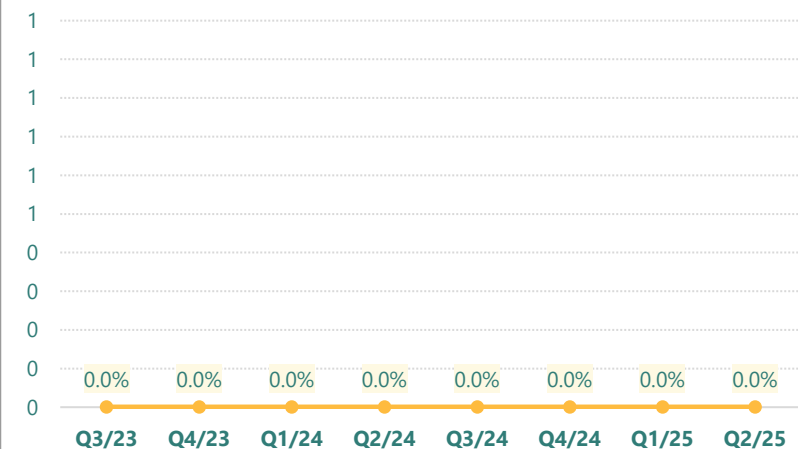


Tài sản cố định TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

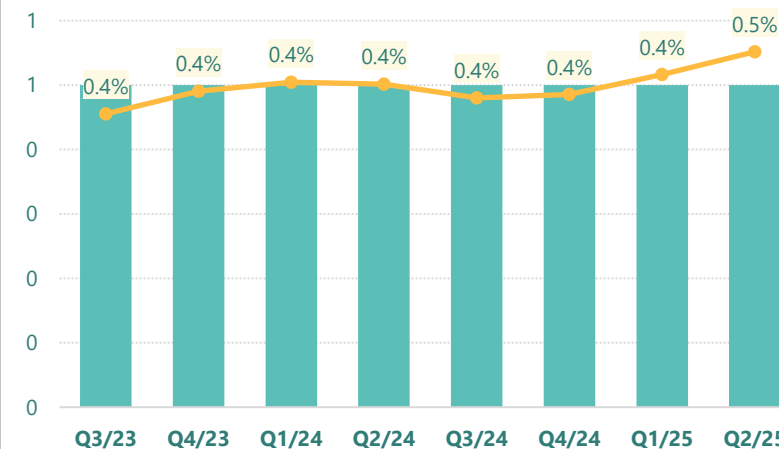


Tài sản dở dang TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

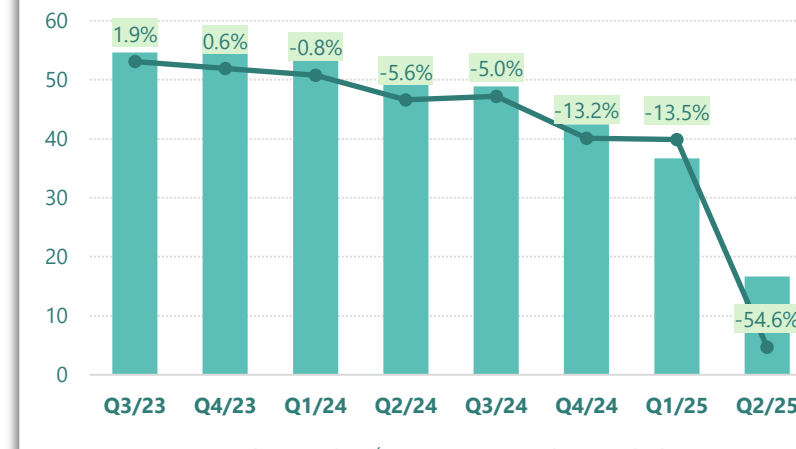


Đầu tư tài chính dài hạn ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



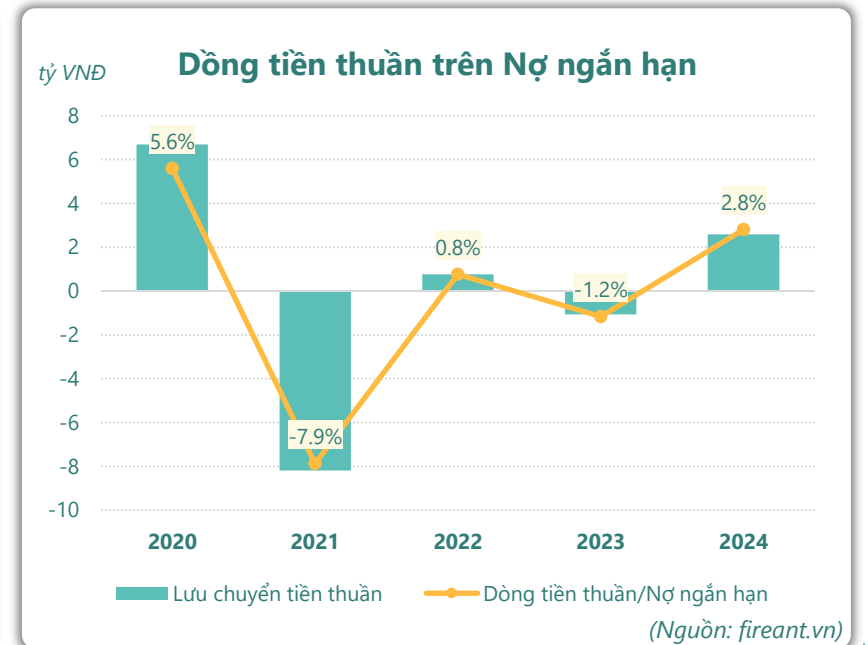
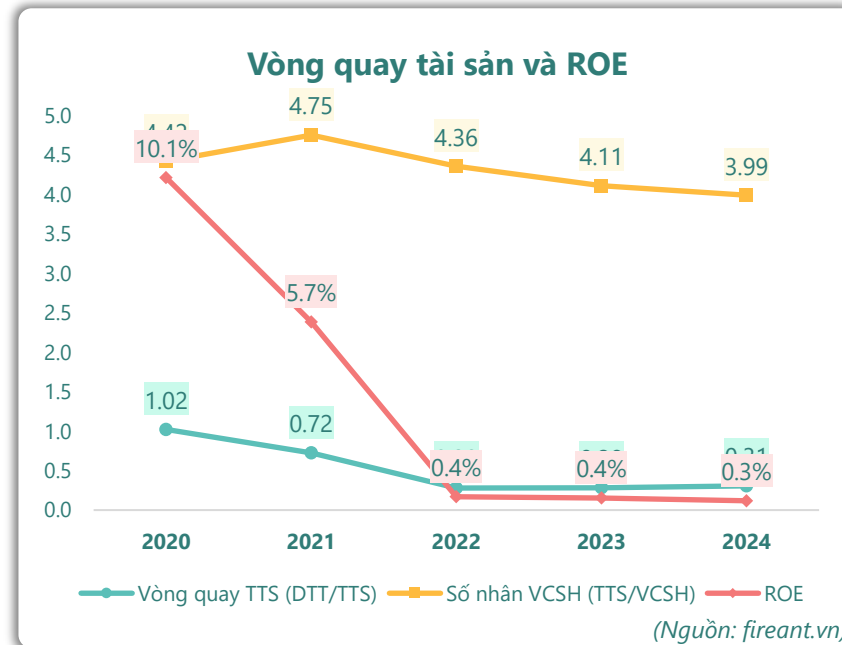
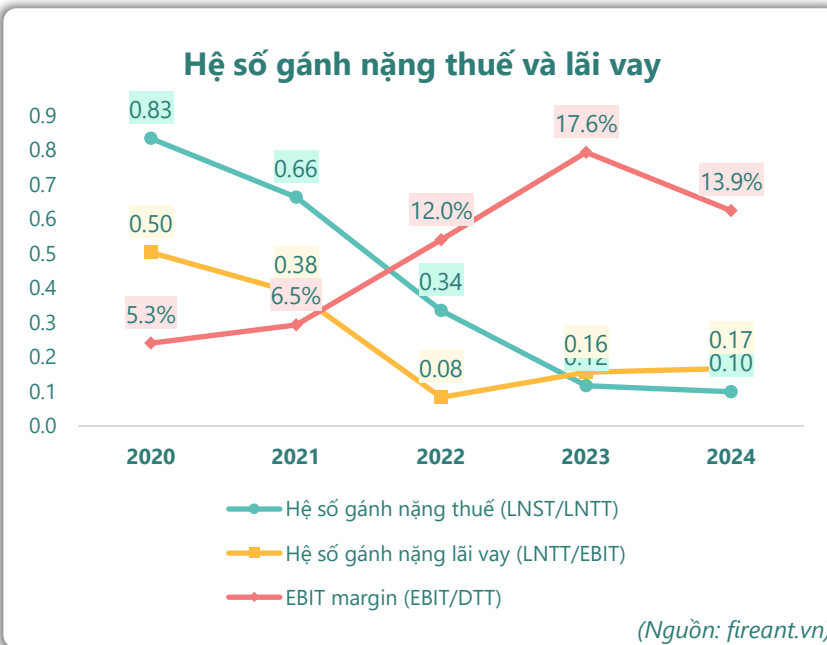
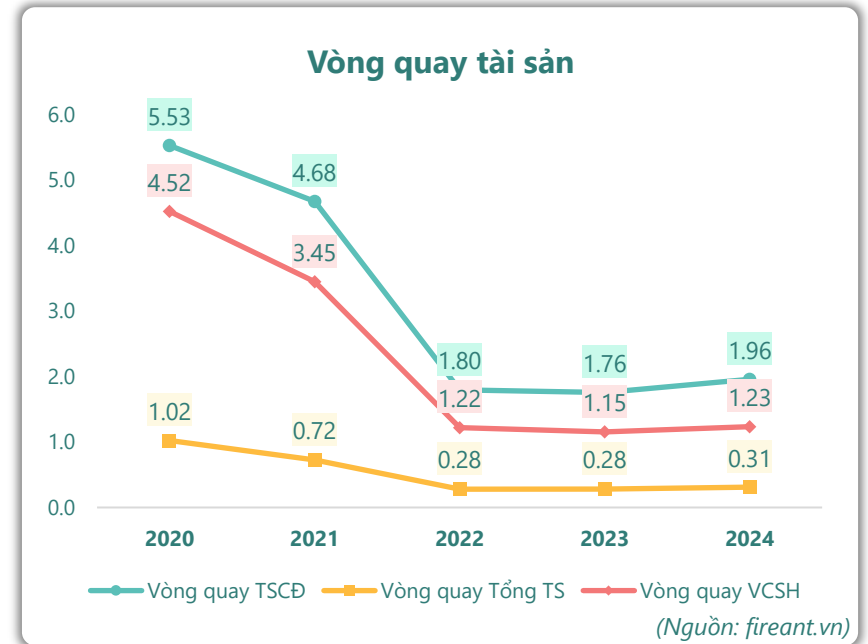
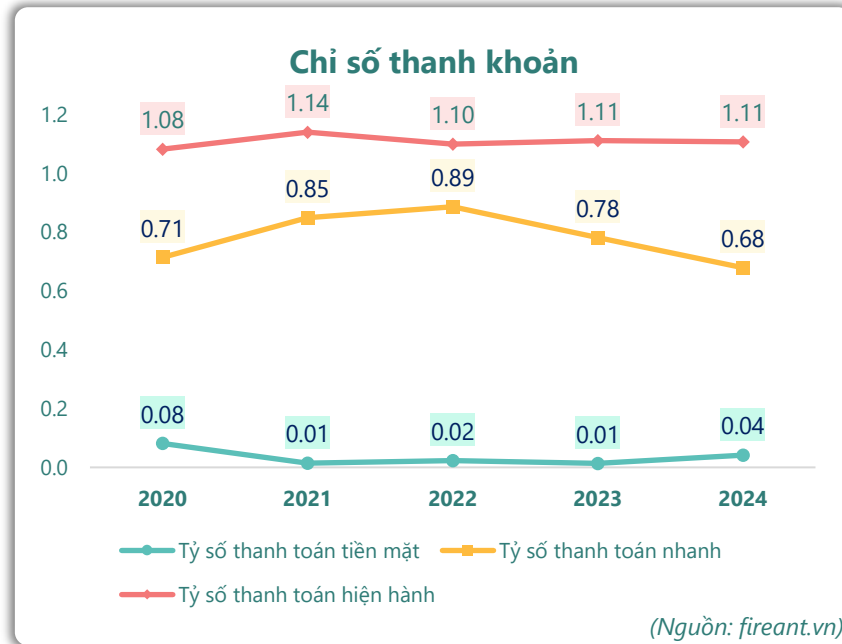
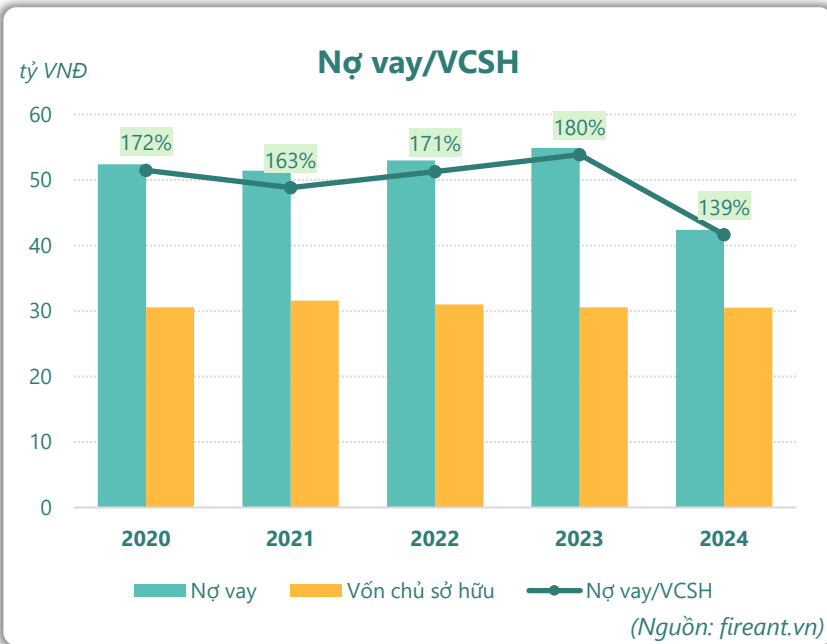
Vay và nợ thuê ngắn hạn Vay và nợ thuê dài hạn

Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	6.60	10.5	-37.2%	31.4	22.2	41.9%
Giá vốn hàng bán	4.15	7.65	-45.8%	26.7	16.4	62.6%
Lợi nhuận gộp	2.45	2.81	-12.7%	4.78	5.77	-17.1%
Doanh thu HĐTC	0.02	0.02	-24.3%	0.02	0.02	6.2%
Chi phí TC	1.01	1.14	-11.8%	1.92	2.45	-21.7%
Chi phí lãi vay	1.01	1.14	-11.8%	1.92	2.45	-21.7%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	1.49	1.69	-11.7%	2.87	3.21	-10.5%
LN thuần từ HĐKD	-0.03	-0.01	-203%	0.01	0.13	-94.1%
Lợi nhuận khác	0.04	0.02	89.8%	0.04	-0.08	144%
LN trước thuế	0.01	0.02	-61.9%	0.04	0.05	-6.1%
Lợi nhuận sau thuế	0.00	0.01	-53.1%	0.02	0.01	59.4%
LNST của CĐ cty mẹ	0.00	0.01	-53.1%	0.02	0.01	59.4%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	3.78	-1.00	3.34	9.64	1.74	22.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.07	-0.06	0	0.03	0.00	0.05
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.42	-3.06	-2.55	-6.47	-5.72	-20.0
Tiền đầu kỳ	1.24	4.52	0.40	1.19	4.38	0.40
Lưu chuyển tiền thuần	3.28	-4.12	0.79	3.19	-3.98	2.44
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	4.52	0.40	1.19	4.38	0.40	2.27

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	109	122	-11.2%
Tài sản ngắn hạn	88.5	102	-13.0%
Tiền và tương đương tiền	2.27	3.82	-40.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	63.5	58.6	8.4%
Hàng tồn kho	22.7	39.3	-42.4%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0.00	-100%
Tài sản dài hạn	20.3	20.7	-2.1%
Phải thu dài hạn	1.49	1.39	7.4%
Tài sản cố định	18.2	18.7	-2.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0.50	0.50	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.05	0.09	-46.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	78.2	91.9	-14.9%
Nợ ngắn hạn	78.2	91.9	-14.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	16.7	42.4	-60.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	6.95	6.16	12.8%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	30.6	30.5	0.0%
Vốn chủ sở hữu	30.6	30.5	0.0%
Vốn điều lệ	15.0	15.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

